

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 430/2022/DS-ST

Ngày: 30- 9- 2022

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T

2. Bà Nguyễn Thị Bông H

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh H, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan A- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 644/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 761/2022/QĐ-HPT ngày 13 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 123/56 đường số X, phường B, quận B, Thành phố H,

(có mặt tại phiên tòa);

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng H, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 39/A309 Lô A3 Chung cư H, phường P, quận T, Thành phố H,

(vắng mặt tại phiên tòa);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Long Chấn D, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 123/56 đường số X, phường B, quận B, Thành phố H.

(có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2022, các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Vào ngày 14/4/2021, bà cho ông Trần Hoàng H vay số tiền 30.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021, thời hạn trả vào ngày 14/5/2021. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngày 03/7/2021 ông H có trả cho bà 4.000.000 đồng tiền lãi mà hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Từ ngày 15/8/2021 đến 20/4/2022 ông H trả cho bà tổng cộng 10.000.000 đồng tiền gốc. Nay bà đồng ý trừ 4.000.000 đồng tiền lãi mà ông H đã trả vào số tiền gốc ông H còn nợ. Như vậy, tính đến nay ông H còn nợ bà 16.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông H trả một lần số tiền còn nợ 16.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông H trả tiền lãi, yêu cầu ông H trả một lần nay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi cho vay, bà không nhận bất cứ tài sản nào của ông H để bảo đảm khoản vay. Bà không biết chính xác là ông H có vợ hay chưa, bà chỉ cho một mình ông H vay tiền nên nay bà chỉ yêu cầu một mình ông H trả nợ.

Chồng bà là ông Long Chấn D có biết về việc bà cho ông H vay tiền vì đây là tài sản chung của vợ chồng, vợ chồng bà tự thỏa thuận với nhau số tiền này. Do chồng bà thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng bà thỏa thuận để một mình bà ký giấy cho vay tiền với ông H và để một mình bà đứng đơn khởi kiện ông H đòi lại số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long Chấn D trình bày:

Ông là chồng của bà L, ông có biết việc vợ ông cho ông H vay 30.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021, thời hạn trả vào ngày 14/5/2021. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng ông; ông bà tự thỏa thuận với nhau số tiền này. Ông đồng ý để một mình vợ ông đứng đơn khởi kiện ông H đòi lại số tiền còn nợ 16.000.000 đồng.

Ông không biết chính xác là ông H có vợ hay chưa, vợ ông- bà L chỉ cho một mình ông H vay tiền nên nay ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là chỉ yêu cầu một mình ông H trả nợ. Ông đồng ý với mọi ý kiến của vợ ông trong vụ án này và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác trong vụ án này. Ông đề nghị Tòa án tuyên buộc ông H trả cho vợ ông số tiền 16.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà ông Trần Hoàng H đã được tổng D hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như Giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long Chấn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn ông Trần Hoàng H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giấy mượn tiền hai bên ký kết, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn cư trú tại quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T.

- Thời hạn tố tụng: Thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Tại Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021 thể hiện, ngày 14/4/2021 ông Trần Hoàng H có mượn của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 30.000.000 đồng, không lãi suất và thời hạn 01 tháng kể từ ngày 14/4/2021 đến ngày 14/5/2021. Xét thấy, giữa bà L và ông H có giao dịch dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản, đúng như lời bà L trình bày. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*” như vậy, theo hợp đồng vay tài sản (giấy tay) lập giữa hai bên bà L và ông H, thì đến hạn 01 tháng kể từ ngày ký kết là đến hết ngày 14/5/2021 thì ông H phải hoàn trả số tiền gốc cho bà L. Tuy nhiên, theo lời khai của bà L, từ ngày 15/8/2021 đến ngày 20/4/2022, ông H chỉ mới trả số tiền 14.000.000 triệu.

Từ ngày 20/4/2022 đến nay, ông H cố tình tránh né không thanh toán gốc cho bà L. Bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H vẫn không trả.

Như vậy, ông H đã vi phạm thoả thuận giữa hai bên hợp đồng, việc vi phạm nghĩa vụ trả gốc đã gây thiệt hại cho bà L. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L buộc ông Trần Hoàng H hoàn trả số tiền gốc 16.000.000 đồng.

- Án phí tính theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu bị đơn ông Trần Hoàng H thanh toán khoản tiền nợ theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021, Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự”, cụ thể là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo PH yêu cầu xác minh ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân quận T thì bị đơn ông Trần Hoàng H có hộ khẩu thường trú tại nhà số 39/A309 Lô A3 Chung cư H, phường P, quận T, Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long Chấn D cùng có mặt;

Bị đơn ông Trần Hoàng H đã được Tòa án tổng D hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 177, 179, 196, 208, 220, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông H đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long Chấn D.

Ông Long Chấn D xác định ông là chồng của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Số tiền bà L cho ông H vay là tài sản chung của vợ chồng; ông bà tự thỏa thuận với nhau về số tiền này.

Ông và bà L thỏa thuận để một mình bà L đứng tên giao dịch với ông H, cũng như để một mình bà L đứng đơn khởi kiện ông H đòi lại số tiền còn nợ 16.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021. Ông không biết chính xác là ông H có vợ hay chưa, vợ ông- bà L chỉ cho một mình ông H vay

tiền nên nay ông đồng ý với ý kiến của vợ ông là chỉ yêu cầu một mình ông H trả nợ. Ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này, ông thống nhất với toàn bộ ý kiến của vợ ông trình bày tại Tòa. Ông đề nghị Tòa án tuyên buộc ông H trả cho vợ ông số tiền 16.000.000 đồng.

Bà L thống nhất với lời trình bày của ông D và không có ý kiến bổ sung.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 16.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021, thời hạn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn ông Trần Hoàng H không văn bản trình bày có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét; Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét, tại Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021 do bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trần Hoàng H ký kết, nội dung thể hiện ông Trần Hoàng H có mượn của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 30.000.000 đồng, thời điểm thanh toán nợ gốc là 14/5/2021, không thể hiện mức lãi suất. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trần Hoàng H có ký kết hợp đồng vay tài sản (giấy tay) có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc giao kết hợp đồng này giữa các bên là tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà L xác nhận, từ khi vay tiền đến ngày 20/4/2022 ông H đã trả cho bà số tiền 14.000.000 đồng, còn nợ 16.000.000 đồng đến nay ngưng không thanh toán nữa. Bà L nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H thanh toán nợ nhưng ông H vẫn không trả.

Như vậy, đến hạn trả toàn bộ nợ gốc hai bên thỏa thuận là ngày 14/5/2021 nhưng ông H đã không thanh toán toàn bộ nợ gốc 30.00.000 đồng cho bà L là vi phạm nội dung hợp đồng do hai bên ký kết, nay bà L yêu cầu ông H thanh toán số tiền còn nợ 16.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà L không yêu cầu bị đơn ông H trả tiền lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Xét thấy, việc ông H không thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số nợ 30.000.000 đồng vào ngày 14/5/2021 theo thỏa thuận tại Giấy mượn tiền là vi phạm nghĩa vụ, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, nên bà L yêu cầu ông H thanh toán hết số tiền nợ 16.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ

sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Hoàng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 385, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc ông Trần Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền còn nợ 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 14/4/2021.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Hoàng H phải chịu số tiền là 800.000 (tám trăm ngàn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí 500.000 (năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035713 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành

phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc N

